

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 25-4-2025
V/v tranh chấp nghĩa vụ
thanh toán tiền mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Mạnh Sắn.

Ông Trần Đình Đông.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 14/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 16/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn X (sau viết tắt là Công ty).
Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1978; cư trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn X); vắng mặt.

2. Ông Phạm Duy K, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số E, đường T, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Hợp đồng uỷ quyền số 009/FTC-HĐUQ ngày 21-8-2024); có mặt.

- Bị đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số A, đường H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-8-2024 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10-4-2023, Công ty và ông Bùi Thanh T có xác lập hợp đồng mua bán chân gà số 01/2023/HĐMBHH-ONLINE. Thực hiện hợp đồng, Công ty đã tiến hành giao hàng như đã thoả thuận. Việc giao hàng được ghi nhận theo Hoá đơn giá trị gia tăng ngày 25-4-2023 với số tiền hàng là 103.400.176 đồng và Hoá đơn giá trị gia tăng ngày 26-4-2023 với số tiền hàng là 69.480.101 đồng. Tổng số tiền hàng là 172.880.277 đồng. Công ty đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Bùi Thanh T thanh toán nhưng ông Bùi Thanh T vẫn không thanh toán. Công ty yêu cầu tính lãi đối với số tiền 172.880.277 đồng, với lãi suất là 15%/năm. Thời gian tính lãi từ ngày 25-4-2023 đến ngày 21-8-2024 là 482 ngày, với số tiền lãi là 34.244.504 đồng.

Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau:

Yêu cầu buộc ông Bùi Thanh T phải thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 207.124.781 đồng (hai trăm linh bảy triệu một trăm hai mươi tư nghìn bảy trăm tám mươi một đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là 172.880.277 đồng, số tiền lãi chậm trả là 34.244.504 đồng.

Tại Bản tự khai ngày 14-11-2024, ông Nguyễn Xuân H trình bày: Ông và ông Bùi Thanh T có thoả thuận sau khi nhận hàng, trong vòng 15 ngày ông Bùi Thanh T phải thanh toán tiền đầy đủ. Hai bên không nói về lãi suất chậm trả tiền. Sau đó, đến hạn thanh toán nhưng ông Bùi Thanh T không trả tiền mặc dù ông đã nhiều lần đòi tiền. Đến ngày 25-02-2024, ông Bùi Thanh T có viết Giấy xác nhận nợ, xác nhận ông Bùi Thanh T có nợ Công ty số tiền 200.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30-4-2024 sẽ thanh toán cho Công ty. Việc ông Bùi Thanh T ghi số tiền nợ là 200.000.000 đồng là do lúc đó ông chưa tính toán chính xác số tiền ông Bùi Thanh T còn nợ Công ty. Hiện nay, ông đã tính toán chính xác số tiền ông Bùi Thanh T còn nợ Công ty là 172.880.277 đồng. Do đó, ông yêu cầu Toà án buộc ông Bùi Thanh T phải thanh toán cho Công ty số tiền 172.880.277 đồng và buộc ông Bùi Thanh T phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản làm việc ngày 10-3-2025, người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-8-2024, bản tự khai đề ngày 21-8-2024, Công ty yêu cầu tính lãi suất chậm trả là 15%/năm, thời gian bắt đầu tính lãi từ ngày 25-4-2023. Tuy nhiên, do giữa ông Nguyễn Xuân H và ông Bùi Thanh T có thoả thuận sau khi nhận hàng trong vòng 15 ngày ông Bùi Thanh T phải thanh toán đầy đủ tiền cho Công ty. Do đó, Công ty yêu cầu ông Bùi Thanh T phải trả lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc 172.880.277 đồng là 10%/năm, thời điểm tính lãi từ ngày 12-5-2023 đến ngày 10-3-2025 là 668 ngày.

Do vậy, Công ty yêu cầu ông Bùi Thanh T phải trả cho Công ty số tiền sau:

Tiền nợ gốc: 172.880.277 đồng.

Tiền nợ lãi: $172.880.277 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 668 \text{ ngày} = 31.639.458 \text{ đồng}$.

Tổng tiền nợ gốc và nợ lãi là 204.519.735 đồng (hai trăm linh tư triệu năm trăm mười chín nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng).

Tại bản tự khai, bị đơn ông Bùi Thanh T trình bày: Ông Nguyễn Xuân H cho rằng ông còn nợ tiền mua hàng ngày 25-4-2023 với số tiền hàng là 103.400.176 đồng và ngày 26-4-2023 với số tiền hàng là 69.480.101 đồng. Tổng số tiền hàng là 172.880.277 đồng. Ngày 25-02-2024, ông có viết Giấy xác nhận nợ thể hiện ông có nợ Công ty số tiền 200.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30-4-2024 sẽ trả tiền. Tuy nhiên, do tại thời điểm viết Giấy xác nhận nợ, do hai bên không nhớ chính xác số tiền ông còn nợ Công ty nên ông đã viết ông còn nợ Công ty số tiền 200.000.000 đồng. Hiện nay, Công ty đã xác định số tiền ông còn nợ là 172.880.277 đồng. Ông đồng ý trả số tiền 172.880.277 đồng cho Công ty. Do hai bên không có thoả thuận về nghĩa vụ trả lãi nên ông chỉ đồng ý trả tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Công ty có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Do đó, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tiến hành phiên họp hoà giải. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn theo quy định.

Ngày 04-4-2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn có Yêu cầu xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ số 01/YC-VKS-DS về việc yêu cầu Toà án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh những nội dung sau:

Thu thập sao kê tài khoản Ngân hàng để chứng minh bị đơn chưa thanh toán tiền mua hàng cho nguyên đơn đối với đơn hàng các ngày 25, 26 tháng 4 năm 2023.

Thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ thời điểm vi phạm nghĩa vụ chậm trả tiền và số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn. Do có mâu thuẫn về thời điểm thanh toán tiền mua hàng và số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn được thể hiện tại Giấy xác nhận nợ ngày 25-02-2024 với đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn.

Ngày 9-4-2025, Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn có văn phúc đáp số 833/CV-TA, có nội dung không chấp nhận yêu cầu thu thập tài liệu, chứng cứ của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Do bị đơn thừa nhận và đồng ý trả số tiền nợ gốc là 172.880.277 đồng cho nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc. Do vậy, tình tiết này thuộc trường hợp không cần phải chứng minh theo quy định của Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và không có mâu thuẫn về số tiền nợ gốc. Về thời điểm vi phạm nghĩa vụ chậm trả: Nguyên đơn cho rằng thời hạn thanh toán tiền đối với 02 (hai) mã hàng chân gà là sau khi nhận hàng trong vòng 15 ngày. Bị đơn cho rằng không có thoả thuận cụ thể về thời gian trả tiền. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận giữa các bên không có

thoả thuận về nghĩa vụ chậm trả tiền lãi. Bị đơn đồng ý trả tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật. Do vậy, thời điểm vi phạm nghĩa vụ chậm trả tiền được xác định theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện. Yêu cầu Toà án buộc ông Bùi Thanh T phải trả cho Công ty số tiền sau:

Tiền nợ gốc: 172.880.277 đồng.

Tiền nợ lãi: $172.880.277 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 668 \text{ ngày} = 31.639.458 \text{ đồng}$.

Tổng tiền nợ gốc và nợ lãi là 204.519.735 đồng (hai trăm linh tư triệu năm trăm mười chín nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Do hồ sơ còn thiếu nhiều tài liệu, chứng cứ và bị đơn không có mặt tại phiên tòa nên không thể làm rõ được những nội dung còn mâu thuẫn. Do đó, Kiểm sát viên không phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của bị đơn: Toà án đã thực hiện triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai. Tuy nhiên, bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa và bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn: Mặc dù Toà án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn không tham gia phiên họp, phiên tòa. Do đó, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của khoản 15 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền mua bán hàng đã xác lập giữa các bên. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán hàng hoá theo quy định của khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất với nhau về nội dung có việc mua bán chân gà (hợp đồng mua bán chân gà số 01/2023/HĐMBHH-ONLINE). Về

số tiền chưa thanh toán, cả hai bên đều ghi số tiền chưa thanh toán lúc đầu là 200.000.000 đồng và đều khẳng định không chính xác. Sau đó nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất khẳng định: Hiện nay, giữa nguyên đơn và bị đơn có hai mã hàng chưa thanh toán vào ngày 25-4-2023 với số tiền hàng là 103.400.176 đồng và ngày 26-4-2023 với số tiền hàng là 69.480.101 đồng. Tổng số tiền hàng bị đơn chưa thanh toán và còn nợ là 172.880.277 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng chưa thanh toán là 172.880.277 đồng.

[5] Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Hội đồng xét xử thấy rằng: Về tiền nợ lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả là 31.639.458 đồng. Nguyên đơn cho rằng bị đơn phải thanh toán tiền mua hàng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hàng. Bị đơn cho rằng giữa các bên không có thoả thuận cụ thể về thời gian phải thanh toán tiền mua hàng. Các bên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa các bên có thoả thuận về thời điểm, thời hạn thanh toán tiền mua hàng. Các bên đều thừa nhận không có thoả thuận về lãi suất chậm trả. Nên xác định các bên không có thoả thuận về thời hạn thanh toán tiền và lãi suất chậm trả. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật. Bị đơn đồng ý trả tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng cho nguyên đơn tại thời điểm nhận hàng là ngày 25 và ngày 26 tháng 4 năm 2023 theo quy định của khoản 2 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi từ ngày 12-5-2023 là phù hợp với quy định của pháp luật và quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả. Các bên đều thừa nhận giữa các bên không có thoả thuận về lãi suất chậm trả. Do đó, lãi suất chậm trả được xác định theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu mức lãi suất chậm trả là 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Bùi Thanh T phải thanh toán số tiền nợ lãi chậm trả là 31.639.458 đồng cho nguyên đơn.

[6] Về tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn ông Bùi Thanh T phải thanh toán tổng số tiền là 204.519.735 đồng (hai trăm linh tư triệu năm trăm mười chín nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng) cho nguyên đơn.

[7] Xét yêu cầu thu thập tài liệu chứng cứ của Viện kiểm sát tại Yêu cầu xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ số 01/YC-VKS-DS ngày 04-4-2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (sau viết tắt là Viện kiểm sát), Hội đồng xét xử thấy rằng: Viện kiểm sát yêu cầu Toà án thu thập sao kê tài

khoản ngân hàng để làm rõ bị đơn còn nợ nguyên đơn hai mã hàng các ngày 25, 26 tháng 4 năm 2023 nhưng không nêu rõ Toà án cần phải thu thập những tài liệu, chứng cứ nào; thu thập tại cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào và yêu cầu thu thập tài liệu bằng sao kê này là không cần thiết, không nắm bản chất vụ việc, bởi trong vụ án này các bên đương sự đều thừa nhận có việc mua bán hàng hoá nhiều lần giữa các bên và các bên không có tranh chấp gì đối với các lần mua bán hàng hoá đã thực hiện xong mà các bên đều thừa nhận chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán hàng hoá các ngày 25, 26 tháng 4 năm 2023. Về số tiền chưa thanh toán thì: Ngày 25-02-2024, bị đơn viết Giấy xác nhận nợ thể hiện năm 2023 bị đơn có lấy hàng chân gà của nguyên đơn với số tiền là 200.000.000 đồng, nên khi khởi kiện, nguyên đơn đã gửi kèm theo đơn khởi kiện Sổ phụ tài khoản ngân hàng của Công ty để chứng minh giao dịch phát sinh từ ngày 08-01-2024 đến ngày 20-8-2024, bị đơn không có giao dịch thanh toán tiền cho nguyên đơn. Mặt khác, chính bị đơn trong bản tự khai đã thừa nhận còn nợ hai mã hàng chưa thanh toán cho nguyên đơn, phù hợp với số tiền nguyên đơn đưa ra sau này và bị đơn cũng không phản đối các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho Toà án và đồng thời không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bị đơn đã thanh toán tiền mã hàng các ngày 25, 26 tháng 4 năm 2023 cho nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ việc bị đơn còn nợ nguyên đơn 02 (hai) mã hàng là không cần thiết.

Đối với yêu cầu thu thập tài liệu làm rõ số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn và thời điểm vi phạm nghĩa vụ chậm trả: Viện kiểm sát cho rằng Giấy xác nhận nợ ngày 25-02-2024 thể hiện số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 200.000.000 đồng, thời điểm thanh toán là ngày 30-4-2024. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện, các bản tự khai thì nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ số tiền 172.880.277 đồng và tính lãi chậm trả từ ngày 25-4-2023 là có sự mâu thuẫn. Do đó, yêu cầu Toà án thu thập tài liệu làm rõ. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại bản tự khai (bút lục số 42, 43), các bên đều thừa nhận khi viết Giấy xác nhận nợ ngày 25-02-2024 thể hiện số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn 200.000.000 đồng là do chưa tính toán chính xác. Nay các bên xác định lại chính xác số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 172.880.277 đồng. Nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Bị đơn chỉ đồng ý trả tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng việc xác minh, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ là không cần thiết nên không chấp nhận yêu cầu này của Viện kiểm sát.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo quy định.

[9] Kiểm sát viên tham gia phiên toà không phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và ngay sau khi kết thúc phiên toà không gửi văn bản phát biểu ý kiến cho Toà án để lưu vào hồ sơ vụ án là chưa thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 385, Điều 401, Điều 410, Điều 430, Điều 433, Điều 440, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn X.

1. Buộc ông Bùi Thanh T phải thanh toán tổng số tiền là 204.519.735 đồng (hai trăm linh tư triệu năm trăm mười chín nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng) cho Công ty trách nhiệm hữu hạn X, cụ thể như sau:

Số tiền nợ gốc là: 172.880.277 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu tám trăm tám mươi nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng).

Số tiền nợ lãi tính từ ngày 12 tháng 5 năm 2023 đến ngày 10 tháng 3 năm 2025 là: 31.639.458 đồng (ba mươi một triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn X được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.178.119 đồng (năm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn một trăm mười chín đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000842 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Ông Bùi Thanh T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.225.986 đồng (mười triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng), nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- CCTHADS H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp